

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: **03/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 12/01/2023

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG -TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Văn Lầy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bá Ky – Bí thư Đảng ủy xã Phú Lạc

2. Bà Nguyễn Thị Bích Lam – Cán bộ hưu trí

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Văn Hồng Lễ - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Ông Lâm Đa Cha - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 380/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2022/QĐ-HPT ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Võ Văn L**, sinh năm 1970; Địa chỉ: thôn P, xã V, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Bà **Trần Thị Bích L1**, sinh năm 1971; Địa chỉ: thôn P, xã V, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

(có mặt nguyên đơn, bị đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 11/8/2022 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Võ Văn L trình bày: Ông và bà Trần Thị Bích L1 lấy nhau vào năm 1991 trên cơ sở tự

nguyện, có tìm hiểu yêu nhau, hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới hỏi cho ông bà theo phong tục nhưng có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong quá trình sống chung thì giữa ông và bà L1 sống không hạnh phúc 01 thời gian dài và đã có 04 người con, tuy nhiên thời gian gần đây có xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra chuyện cãi nhau. Ông và bà L1 đã ly thân nhau cách đây khá lâu, đã chấm dứt quan hệ vợ chồng từ năm 2016. Nay bà L xuất trình được giấy chứng nhận kết hôn giữa ông và bà L1 nên ông xin thay đổi yêu cầu là đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà L1 để trả tự do cho nhau.

Về con chung: 04 người con chung hiện đã trưởng thành

Về tài sản chung: Đề tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Trần Thị Bích L1 trình bày theo biên bản lấy lời khai ngày 08/12/2022:

Bà và ông Võ Văn L lấy nhau vào năm 1991 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu yêu nhau, hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T2, huyện N, tỉnh Bình Thuận.

Trong quá trình sống chung thì giữa bà và ông L sống cũng hạnh phúc không có mâu thuẫn gì cả, đến năm 2016 mới phát sinh mâu thuẫn là ông L tự bỏ nhà ra đi, sau này nghe ông L quan hệ với đàn bà khác không quan tâm đến vợ con, làm không chu cấp tiền cho vợ con để chi tiêu sinh hoạt gia đình, đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do có nhiều bất đồng quan điểm không tự giải quyết được, từ đó bà và ông L chấm dứt quan hệ vợ chồng cho đến nay. Nay bà nhận giấy triệu tập của Tòa án mời làm việc mới biết ông L làm đơn ly hôn bà. Bà nhận thấy vợ chồng đã ly thân nhau 01 thời gian dài cho nên ông L xin ly hôn bà, bà chấp nhận yêu cầu của ông L nhưng bà xin vắng mặt tại buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa xét xử. Vì bà là người theo đạo công giáo nên cũng hạn chế việc tới tòa, mong Tòa chấp nhận theo nguyện vọng của bà.

Về con chung: 04 người con chung, hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét.

Về tài sản và nợ chung: Đề tự thỏa thuận.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án:

Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn sự đã thực hiện đúng Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn xin xét xử vắng mặt.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39, 91, 146, Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Ông Võ Văn L được ly hôn với bà Trần Thị Bích L1.

Về con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét;

Về án phí: Ông Võ Văn L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình, giải quyết vụ án, bà Trần Thị Bích L1 đã nhận văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án và có mặt để Tòa án ghi lời khai của bà, nhưng sau đó Tòa án triệu tập để hòa giải thì bà có xin vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa xét xử, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa ông Võ Văn L và bà Trần Thị Bích L1 được xác lập là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T2, huyện N, tỉnh Bình Thuận. Do trong quá trình sống chung, ông L xác nhận vợ chồng hay bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Bà L1 cho rằng do ông L quan hệ với người đàn bà khác, không quan tâm gì đến đời sống gia đình, không có trách nhiệm với vợ con, bà đã cố gắng chịu đựng và khuyên ông L nhưng ông L không thay đổi. Đến năm 2017 bà và ông L chính thức chấm dứt quan hệ vợ chồng cho đến nay. Giữa ông L và bà L1 đều xác nhận không còn tình cảm vợ chồng không còn.

Xét thấy, ông L và bà L1 đã ly thân nhau một thời gian dài, từ khi ly thân nhau hai người không tự tìm phương án giải hòa để vợ chồng đoàn tụ, hai người không tự giải quyết được các mâu thuẫn, ông L làm đơn ly hôn bà L1, bà L1 chấp nhận ly hôn. Chứng tỏ, cuộc sống chung giữa ông L và bà L1 đã thực sự đổ vỡ, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tuy nhiên, do bà L1 không có mặt tại phiên tòa mặc dù bà chấp nhận ly

hôn nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông L.

[3] Về con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án. Ông Võ Văn L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn ông Võ Văn L.

Ông Võ Văn L được ly hôn với bà Trần Thị Bích L1.

[3] Về án phí: Ông Võ Văn L phải nộp **300.000đ** (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Ông L đã nộp **300.000đ** (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai thu số 0011814 ngày 13/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, ông L đã nộp đủ án phí.

[4] Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã (thị trấn);
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lý Văn Lầy

